TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST Ngày: 08/9/2023 V/v Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử và bà Nguyễn Vũ Y.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T P Y, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn T D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã SB, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Chị Y và chồng là anh Nguyễn T D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn. Chị Y Xác định có nhớ là đã có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Sơn Phước, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (hiện giờ là xã Suối Bạc) vào tháng 08 năm 1990 nhưng giấy chứng nhận kết hôn do lâu ngày đã thất lạc. Quá trình cùng chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong suy nghĩ, lối sống và tình cảm không thể dung hòa, hai bên vợ chồng thường xuyên xảy ra kình cãi, xô xát; giữa 02 người đã không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm

gì đến nhau. Nay chị Y xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành nên chị Y không yêu cầu tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Anh D xác nhận có lỗi trong việc mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra từ trước đến nay. Tuy nhiên anh D cũng cố gắng thay đổi mong vợ tha thứ để cùng quay lại chung sống sửa chữa sai lầm, hàn gắn tình cảm. Mong vợ rút đơn để gia đình đoàn tụ, cuộc sống được thuận hòa. Anh D tha thiết đoàn tụ nhưng nếu chị Y cương quyết xin ly hôn thì anh D đồng ý do tình cảm thì không thể níu kéo cưỡng ép.

Anh D có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị Y và anh D, kết quả như sau:

Tại công văn số 52/UBND ngày 26/6/2023 của UBND xã Sơn Phước cung cấp thông tin: Qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn từ năm 1990 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của bà Nguyễn T P Y và ông Nguyễn T D.

Tại Công văn số 66/PTP ngày 28/6/2023 của Phòng Tư pháp huyện Sơn Hòa cung cấp thông tin: Khi thay đổi địa giới hành chính tách xã Sơn Phước thành xã Sơn Phước và Suối Bạc (năm 1999), thì hiện nay Hồ sơ hộ tịch năm 1990 được UBND xã Sơn Phước lưu trữ. Phòng Tư pháp huyện Sơn Hòa không lưu trữ tài liệu, thông tin liên quan đến đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn T P Y và ông Nguyễn T D (phòng Tư pháp thành lập năm 1994).

Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2023, UBND xã Suối Bạc cung cấp thông tin: Năm 1999 xã Suối Bạc được thành lập, qua nắm bắt thông tin từ các hộ lân cận bà Y, ông D được biết bà Nguyễn T P Y và ông Nguyễn T D chung sống với nhau tại thôn Tân An, xã Suối Bạc. UBND xã Suối Bạc không lưu sổ bộ liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa bà Y, ông D.

Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2023, nguyên trưởng thôn Tân An, xã Suối Bạc cung cấp thông tin: Việc bà Y và ông D có đăng ký kết hôn hay không thôn không nắm được. Tuy nhiên thực tế Bà Y và ông D đã xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay và có với nhau 03 mặt con.

Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2023, mẹ ruột chị Y là bà X cung cấp thông tin:

Bà Xuân có đứng ra tổ chức đám cưới cho con chị Y và anh D theo phong tục địa phương tại thôn Tân An, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa. Việc chị Y và anh D có đi đăng ký kết hôn hay không thì bà không nắm được.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký trong quá trình thụ lý, giải

quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T P Y và anh Nguyễn T D. Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét do đương sự không có yêu cầu. Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên đại bàn huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T P Y và anh Nguyễn T D tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có tổ chức đám cưới tại địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990. Các đương sự trình bày có đi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc đăng ký kết hôn. Qua xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại các cá nhân, cơ quan liên quan cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị Y và anh D có 03 con chung đều đã trưởng thành. Thực tế hiện nay quá trình cùng chung sống giữa chị Y và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong suy nghĩ, lối sống và tình cảm không thể dung hòa. Hiện tại anh D và chị Y đã không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm gì đến nhau. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý"; căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T P Y và anh Nguyễn T D.

[2.2] Về nuôi con chung: Con chung giữa chị Y và anh D đã trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T P Y và anh Nguyễn T D.

2. Về nuôi con chung: Các con chung giữa chị Y và anh D đã trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn T P Y phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Y đã nộp đủ số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tại Biên lai số 0002872 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Sơn Hòa;
- Chi cục THADS H.Sơn Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Kha